

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2019

Về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trâm;**

2. Bà **Võ Thị Trâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Phú Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2019/ST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 310, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn D**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 03, ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2019, quá trình thu thập chứng cứ - nguyên đơn chị Huỳnh Thị C trình bày:

Chị và anh Bùi Văn D tự nguyện chung sống với nhau vào từ năm 2002, không đăng ký kết hôn. Trong khoảng thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, anh D không quan tâm yêu thương vợ, anh chị không còn sống chung 03 tháng nay. Tình cảm không thể hàn gắn nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại biên bản lấy; lời khai ngày 21/5/2019, quá trình thu thập chứng cứ - Bị đơn anh Bùi Văn D trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân, chung sống không có đăng ký kết hôn. Theo anh, nguyên nhân chị C nộp đơn ly hôn là do chị C ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chồng. Nếu chị C cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Chị C và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh D là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, chị C và anh D tự nguyện chung sống từ năm 2002 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, do không hợp tính tình, vợ chồng không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, vợ chồng ly thân đã được 03 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh D. Xét thấy chị C và anh D chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật. Vì vậy có căn cứ không công nhận chị C và anh D là vợ chồng theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ năm 2014.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị C và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt chị C và anh D là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị C và anh Bùi Văn D chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2002, không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C cho rằng do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, không chăm lo cuộc sống gia đình,

cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh chị không còn sống chung 03 tháng nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu ly hôn với anh D. Anh D thống nhất với lời trình bày của chị C về hôn nhân, chung sống không có đăng ký kết hôn. Xét thấy anh D, chị C sống chung không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị không hợp pháp nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh D và chị C là vợ chồng

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Chị C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là hợp lý nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị C và anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013302 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị C đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hoà Thành.
- THADS huyện Hoà Thành.
- Các đương sự;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Kim Lành